

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HS-PT
Ngày: 01-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Quách Tố Giang.

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Minh Phượng; ông Trần Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Đinh Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 69/2021/TLPT-HS ngày 14/5/2021 đối với bị cáo A, do có kháng cáo của bị cáo A và người đại diện hợp pháp của bị hại là bà C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh An Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

A, sinh năm 1988; nơi sinh: huyện E, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 03, ấp N, xã O, huyện E, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông M, sinh năm 1964 và bà N, sinh năm 1960; có vợ là: bà L, sinh năm 1989; có 03 người con: K, sinh năm 2011, M, sinh năm 2015 và Đ, sinh năm 2018; anh, em ruột: có 04 người, bị cáo là người thứ hai; bị cáo có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư D - Công ty luật TNHH MTV P, Đoàn luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: số 70/4 ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, có mặt.

- Bị hại: cháu B, sinh ngày 17/3/2005; nơi cư trú: Tổ 2, ấp V, xã T, huyện Y, tỉnh An Giang (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: bà C, sinh năm 1984, nơi cư trú: Tổ 2, ấp V, xã T, huyện Y, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu E, sinh ngày 28/01/2006, nơi cư trú: Tổ 9, ấp N, xã N, huyện Y, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của cháu E:* bà G, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 9, ấp N, xã N, huyện Y, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. Cháu H, sinh ngày 22/3/2005; nơi cư trú: Tổ 3, ấp Đ, xã T, huyện Y, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của cháu H:* ông I, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 3, ấp Đ, xã T, huyện Y, tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. Ông I, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 3, ấp Đ, xã T, huyện Y, tỉnh An Giang, vắng mặt.

4. Bà K, sinh năm 1989; nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn L, huyện Y, tỉnh An Giang, vắng mặt.

5. Ông L, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp N, xã O, huyện E, tỉnh An Giang, có mặt.

6. Ông M, sinh năm 1964, nơi cư trú: ấp N, xã O, huyện E, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông N, sinh năm 1974, vắng mặt;

2. Ông O, sinh năm 1964, vắng mặt;

3. Bà P, sinh năm 1966, vắng mặt;

4. Ông R, sinh năm 1982, vắng mặt.

(Trong vụ án, bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 22/8/2020, A sau khi đã sử dụng rượu bia (nồng độ cồn 0,754mg/l khí thở), một mình điều khiển xe mô tô biển số 68D1– 426.16 (xe do L đứng tên chủ sở hữu) trên đường Hương lộ 18, hướng thị trấn L, xã N, huyện Y. Khi đến đoạn đường thuộc tổ 10, ấp N, xã N, huyện Y, do không làm chủ tay lái, A điều khiển xe mô tô lấn sang phần đường bên trái đụng vào xe gắn máy biển số 67AE – 021.65, do em B điều khiển chở em E ngồi phía sau chạy hướng xã N, thị trấn L, huyện Y. Hậu quả, em B tử vong. Riêng em E bị sảy sát nhẹ.

* *Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 109/KLGT-PC09 (PYTT) ngày 28/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, kết luận:* B, sinh năm 2005, địa chỉ: ấp V, xã T, huyện Y, tỉnh An Giang.

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sây sát, rách da nham nhở rải rác từ vùng trán đến giữa sống mũi, kích thước 10 x 6,5cm.

- Sờ ấn phát hiện sụp lún xương mũi, cột sống cổ lỏng lẻo.

- Bầm tụ máu các cơ cạnh cột sống cổ C1 – C2.

- Gãy trật cột sống cổ C1 – C2.

2. Nguyên nhân chết: Gãy trật cột sống cổ C1 – C2.

** Căn cứ Biên bản về việc kiểm tra nồng độ cồn hơi 21 giờ 05 phút, ngày 22/8/2020 tại Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang đối với A, kết quả kiểm tra: Nồng độ cồn trong hơi thở của A là 0,754 mg/l khí thở (qua máy đo).*

** Căn cứ Kết luận giám định số 05/ KLGT-PC09 (HH) ngày 25/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, kết luận:*

- 5ml máu trong 01 lọ nhựa có nhãn ghi tên B, sinh năm 2005 được niêm phong và bảo quản đúng quy định (Ký hiệu mẫu M).

- Trong mẫu máu được ký hiệu mẫu M gửi đến giám định không tìm thấy Ethanol (cồn).

** Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 974/KL.HĐĐGTTTHS ngày 16/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, kết luận:*

- Xe mô tô 67AE – 021.65 thiệt hại 1.310.000 đồng.

- Xe mô tô 68D1 – 426.16 thiệt hại là 1.210.000 đồng.

** Căn cứ Biên bản khám nghiệm hiện trường hơi 21 giờ ngày 22/8/2020 tại Hương lộ 18, thuộc tổ 10, ấp N, xã N, huyện Y, tỉnh An Giang, xác định: Hiện trường đã bị xáo trộn một phần do quá trình đi lại của người dân và quá trình cấp cứu nạn nhân.*

- Đoạn đường xảy ra vụ tai nạn là đoạn đường thẳng, hai chiều, ở giữa không có vạch kẻ đường, đoạn đường được trải nhựa tương đối bằng phẳng, thông thoáng, tầm nhìn không bị che khuất, bề rộng mặt đường là 3,9 mét, có đèn chiếu sáng công cộng.

- Lấy trụ điện bê tông ký hiệu 481TB/142/30 làm cột mốc cố định và lấy mép phải hương lộ 18 hướng (xã N – thị trấn L) làm mép chuẩn.

- Tiến hành khám nghiệm hiện trường theo hướng (N – L) đoạn tổ 10, ấp N, xã N, huyện Y, tỉnh An Giang, thấy:

+ Cách trụ điện bê tông ký hiệu 481TB/142/30 (12,6m) về hướng Tây Bắc và cách mép phải hương lộ 18 (1.7 mét) về hướng Bắc là vị trí chiếc mũ bảo hiểm màu xanh (đánh dấu vị trí số 1).

+ Cách vị trí số 1 (0,75 mét) về hướng Tây Nam và cách mép phải hương lộ 18 (1,1 mét) về hướng Bắc là vị trí mảnh vỡ màu đen, hoa văn màu xanh trắng kích thước (0,2 x 0,2) mét (đánh dấu vị trí số 2).

+ Cách vị trí 2 (0,75 mét) về hướng Tây và cách mép phải hương lộ 18 (0,7 mét) về hướng Bắc là vị trí chiếc mũ bảo hiểm màu vàng (đánh dấu vị trí số 3).

+ Cách vị trí số 2 (2,5 mét) về hướng Nam và cách mép phải hương lộ 18 (1,6 mét) là vị trí mảnh nhựa vỡ màu trắng, xanh đen và chiếc dép nhựa màu đen, kích thước (0,35 x 0,26) mét (đánh dấu vị trí số 4).

+ Cách vị trí số 4 (1,7 mét) về hướng Tây Bắc là vị trí điểm giữa hai chân của nạn nhân. Điểm giữa hai chân của nạn nhân trùng với mép phải hương lộ 18, đầu nạn nhân cách mép phải hương lộ 18 là (0,35 mét) về hướng nam. Nạn nhân nằm ngửa, đầu nạn nhân quay về hướng Tây, hai chân hơi lệch về hướng Đông Bắc (đánh dấu vị trí số 5).

+ Cách vị trí số 4 (1,2 mét) về hướng Tây Bắc và cách mép phải hương lộ 18 (1,1 mét) về hướng Nam là vị trí trục sau xe gắn máy 67AE – 021.65, cách vị trí số 4 (2,5 mét) về hướng Tây Bắc và cách mép phải hương lộ 18 (0,7 mét) về hướng Nam là vị trí trục trước xe gắn máy 67AE – 021.65. Xe bị ngã về bên trái của xe, đầu xe quay về hướng Tây Bắc, đuôi xe quay về hướng Đông Nam (đánh dấu vị trí số 6).

+ Cách trục sau xe gắn máy 67AE – 021.65 (2,1 mét) về hướng Bắc, cách vị trí từ số 4 (2,7 mét) về hướng Tây Bắc, cách mép phải hương lộ 18 (1 mét) về hướng Bắc là vị trí trục trước xe mô tô 68D1 – 426.16, cách trục sau xe gắn máy 67AE – 021.65 (2,4 mét) về hướng Tây Bắc và cách mép phải hương lộ 18 (0,8 mét) về hướng Bắc là vị trí trục sau xe mô tô 68D1 – 426.16, xe bị ngã về bên phải của xe, đầu xe quay về hướng Đông, đuôi xe quay về hướng Tây (đánh dấu vị trí số 7).

+ Cách trục trước xe gắn máy 67AE – 021.65 (1,2 mét) về hướng Tây Nam và cách mép phải hương lộ 18 (1,5 mét) về hướng Nam là vị trí các mảnh nhựa vỡ màu trắng, kích thước (0,3x0,5) mét (đánh dấu vị trí số 8).

+ Cách vị trí số 8 (1,55 mét) về hướng Tây Bắc tại điểm trùng với mép phải hương lộ 18 là vị trí chiếc mũ bảo hiểm màu xanh (đánh dấu vị trí số 9).

+ Cách vị trí số 9 (1,55 mét) về hướng Tây Nam và cách mép phải hương lộ 18 (1,6 mét) về hướng Nam có vị trí chiếc quần Jean màu xanh và mảnh nhựa vỡ màu trắng, kích thước (0,8 x 0,8) mét (đánh dấu vị trí số 10).

+ Cách vị trí số 10 (0,35m) về hướng Đông và cách mép phải hương lộ 18 (1,6 mét) về hướng Nam là vị trí phát hiện nhiều mảnh vỡ nhỏ li ti.

+ Ngoài những vị trí dấu vết được mô tả trong biên bản khám nghiệm hiện trường thì chưa phát hiện dấu vết gì thêm.

+ Phương tiện, tang vật, dấu vết và mẫu so sánh thu được: 03 mũ bảo hiểm ở các vị trí 1, 3, 9; 02 xe gắn máy 67AE – 021.65 và xe mô tô 68D1 – 426.16 tại vị trí số 6 và 7; các mảnh nhựa vỡ ở các vị trí số 2, 4, 8, 10;

** Căn cứ Kết luận giám định số 154/KLGT-PC09 (CH) ngày 18/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, kết luận:*

- Dấu vết va chạm trên xe mô tô biển số 68D1 – 426.16 tại mặt trước ống giảm xóc phía trước bên phải có hai vết trầy xước mài mòn kim loại hướng từ trước ra sau; mặt ngoài ống giảm xóc phía trước bên phải có ba vết trầy xước mài mòn kim loại hướng từ trước ra sau; hộp đầu đĩa phanh trước có vết trầy xước mài mòn kim loại phù hợp về chiều cao dấu vết, phù hợp về chiều hướng dấu vết trên xe mô tô biển số 67AE – 021.65 như sau: dấu vết va chạm ống giảm xóc trước bên phải bị gãy vỡ 1/3 dưới; đầu trục trước bên phải có vết trầy xước, mài mòn kim loại; vết rách lốp xe trước bên phải; mặt ngoài vành xe trước bên phải tại vị trí van bơm bị cong vênh theo hướng từ trước ra sau.

- Điểm va chạm đầu tiên giữa xe mô tô biển số 68D1 – 426.16 với xe mô tô biển số 67AE – 021.65 tại vị trí các mảnh nhựa nhỏ giữa vị trí số 8 và số 10 trên mặt đường bên phải (hướng xã N đến thị trấn L) cách vào lề đường bên phải 1,6cm; cách vào cột đèn 481TB/142/30 bên lề đường trái 19m; cách trục trước bánh xe mô tô biển số 67AE – 021.65 là 1,2m đã được mô tả trong biên bản, bản ảnh, sơ đồ hiện trường.

Sau khi gây tai nạn, bị can A và gia đình đã hỗ trợ chi phí mai táng và bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại với số tiền 195.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại là bà C có đơn không yêu cầu xử lý hình sự và cũng không yêu cầu trách nhiệm dân sự đối với bị can.

Ngày 24/10/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với A về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa, đổi bổ sung năm 2017.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSTB-HS ngày 01/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố A về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa, đổi bổ sung năm 2017.

Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: Bị cáo A 02 (Hai) năm tù.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/4/2021, bị cáo A và người đại diện hợp pháp của bị hại là bà C kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

Về thủ tục kháng cáo: đơn kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại có nội dung, yêu cầu rõ ràng, gửi trong hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung vụ án, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định, tài liệu, vật chứng khác. Từ đó có đủ cơ sở chứng minh A điều khiển xe mô tô biển số 68D1- 426.16, trong tình trạng nồng độ cồn trong hơi thở vượt quá mức quy định, không làm chủ tay lái, lấn sang phần đường bên trái, đụng vào xe gắn máy biển số 67AE – 021.65, do em B điều khiển chở em E ngồi phía sau. Hậu quả, làm em B tử vong.

Hành vi của A đã vi phạm khoản 1 Điều 35 Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia và Điều 8 Luật giao thông đường bộ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” tại điểm b, khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Bị cáo là người đã thành niên, đủ nhận thức và chịu trách nhiệm về hành vi của mình, đã qua sát hạch và được cấp giấy phép lái xe theo quy định. Thế nhưng, bị cáo tham gia giao thông trong tình trạng nồng độ cồn vượt quá mức quy định, gây tai nạn làm chết người, gây hoang mang trong dư luận. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và đã xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 02 năm tù. Đây là mức hình phạt tương xứng, để răn đe, phòng ngừa trong tình trạng tai nạn giao thông đang gia tăng hiện nay.

Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới nên không thể xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh gia đình bị cáo, có thể xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y; áp dụng khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo A 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo A trình bày: bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, điều khiển xe trong tình trạng sử dụng rượu, bia, dẫn đến gây tai nạn làm chết người. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh nhân thân bị cáo là lao động chính, cha mẹ và vợ đều đang điều trị bệnh, các con còn nhỏ, bị cáo có khả năng tự cải tạo, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện để cho hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không có ý kiến bổ sung. Nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Phiên tòa sơ thẩm xét xử vào ngày 30/3/2021. Ngày 06/4/2021, bị cáo A và người đại diện hợp pháp của bị hại là bà C kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, kháng cáo trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đều không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, nên căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo A đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 68D1– 426.16, tham gia giao thông đường bộ trong tình trạng nồng độ cồn trong hơi thở là 0,754 mg/1 lít khí thở, vượt quá mức quy định, nên không làm chủ tay lái, lấn sang phần đường bên trái, đụng vào xe gắn máy biển số 67AE – 021.65, do em B điều khiển. Hậu quả, làm em B tử vong do gãy trật cột sống cổ C1-C2 (theo Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 109/KLGT-PC09 (PYTT) ngày 28/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang).

Hành vi của bị cáo A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh này là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo và của người đại diện hợp pháp của bị hại:

[2.2.1] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt:

Bị cáo bị truy tố về hành vi phạm tội quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm tù. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 (do bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại, thành khẩn khai báo) khoản 2 (người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo) Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó, cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 02 năm tù, dưới mức thấp nhất (03 năm tù) của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Quyết định hình phạt của cấp sơ thẩm là đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2.2] Về kháng cáo xin hưởng án treo:

Xét thấy bị cáo bị xử phạt tù không qua 03 năm, có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo cũng không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bên cạnh đó, người đại diện hợp pháp của bị hại là bà C cũng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo đối với bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo, để tự cải tạo, chấp hành pháp luật, có điều kiện chăm sóc, nuôi dạy 03 người con, trở thành công dân tốt, giúp ích cho gia đình và xã hội.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: do sửa bản án hình sự sơ thẩm nên căn cứ điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo A.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà C - người đại diện hợp pháp của bị hại.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh An Giang.

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo A 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (01/7/2021).

Giao người được hưởng án treo A cho Ủy ban nhân dân xã O, huyện E, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của người được hưởng án treo A có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Trong trường hợp, người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo A, người đại diện hợp pháp của bị hại là bà C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

(đã giải thích quy định về án treo cho bị cáo A)

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện Y (1);
- Công an huyện Y (1);
- Chi cục THADS huyện Y (1);
- Bị cáo (1);
- Người bào chữa (1);
- Đại diện bị hại (1);
- Người có QLNVLQ (6);
- Phòng KTNV và THA (1);
- Sở Tư pháp (1);
- UBND xã O, huyện E, tỉnh An Giang (1);
- Văn phòng (1);
- Tòa Hình sự (1);
- PV 10, 26 (1);
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Tổ Giang